TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Sơn và bà Nguyễn Bá Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 357/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp Ly hôn, không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1964.
Địa chỉ: 41/78, Ô4, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
(vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967
Địa chỉ: 5/60, Ô4, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
(vắng mặt**).**

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải tại Tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2002 không đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới. Thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2021 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi cọ và đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Sau đó vợ

chồng có nói chuyện hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay ông P nhận thấy không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không thể chung sống với bà T được nữa. Vì vậy ông P yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa ông P và bà T không phải là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ông P và bà T có 2 người con chung là Nguyễn Hồng T1, sinh năm 2003 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 04/9/2006. Hiện nay cháu T1 đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Đ đang ở với bà T nên ông P yêu cầu giao cháu Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được tòa án tống đạt, xác minh niêm yết văn bản tố tụng, thông báo về việc thụ lý vụ án, nhưng bà T không đến để làm việc trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án không ghi được ý kiến của bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị không công nhận ông P và bà T là vợ chồng. Về con chung: Đề nghị giao cháu Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Ông P không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2002, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông P và bà T có 2 người con chung là Nguyễn Hồng T1, sinh năm 2003 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 04/9/2006. Hiện nay cháu T1 đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên ông P, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến. Đối với cháu Đ đang ở với bà T và được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tuy nhiên bà T không có mặt, không ghi nhận được ý kiến của bà T. Để không làm ảnh hưởng cuộc sống thường ngày bị xáo trộn, đảm bảo về mọi mặt cho cháu Đ nên cần giao cháu Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định hiện hành, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông P không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí: Ông P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình**.**

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc Tuyên bố ông P và bà T không phải là quan hệ vợ chồng**.**

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

- Về con chung: Ông P và bà T có 2 người con chung là Nguyễn Hồng T1, sinh năm 2003 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 04/9/2006. Hiện nay cháu T1 đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên cháu ở với ai thì tùy cháu. Giao cháu Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông P không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

2. Án phí: Áp dụng Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn P phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí

theo biên lai thu tiền số 0009234 ngày 10 /11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, ông P đã nộp xong.

3. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/5/2023) đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Công Hiếu

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án...